

 thời tiết	 nắng	soleggiato Anh ấy thích một ngày nắng. Gli piace una giornata soleggiata. Lezione 41 · Meteo e stagioni	un tempo Hôm nay thời tiết đẹp quá. Oggi fa bel tempo. Lezione 41 · Meteo e stagioni
 nhiều mây	 mưa	piovoso Một ngày mưa có thể rất ẩm ướt. Una giornata piovosa può essere accogliente. Lezione 41 · Meteo e stagioni	nuvoloso Họ dự báo chiều nay trời sẽ nhiều mây. Prevedono un pomeriggio nuvoloso. Lezione 41 · Meteo e stagioni
 có gió	 nóng	caldo Trà này rất nóng. Questo tè è molto caldo. Lezione 41 · Meteo e stagioni	ventoso Bên ngoài đang có gió. È ventoso fuori. Lezione 41 · Meteo e stagioni
 lạnh	 ấm	tiepido Hôm nay ở bãi biển trời ấm. Oggi il clima era tiepido in spiaggia. Lezione 41 · Meteo e stagioni	freddo Gió lạnh thổi vào mùa đông. Il vento freddo soffia in inverno. Lezione 41 · Meteo e stagioni

 mùa xuân	 mùa hè	un'estate Mùa hè là một mùa rất nóng. L'estate è una stagione molto calda. Lezione 41 · Meteo e stagioni	una primavera Các loài hoa rất thích mùa xuân. I fiori amano la primavera. Lezione 41 · Meteo e stagioni
 mùa thu	 mùa đông	un inverno Mùa đông ở đây có thể rất lạnh. L'inverno qui può essere molto freddo. Lezione 41 · Meteo e stagioni	un autunno Mùa thu là mùa tôi thích nhất. L'autunno è la mia stagione preferita. Lezione 41 · Meteo e stagioni
 ô	 áo mưa	un impermeabile Cái áo mưa này giữ ấm cho tôi. Questo impermeabile mi tiene al caldo. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2	un ombrello Cô ấy có một chiếc ô màu đỏ. Lei ha un ombrello rosso. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2
 dự báo thời tiết	 bóng râm	un'ombra Chúng ta cần bóng râm vào một ngày nóng. Abbiamo bisogno di ombra in una giornata calda. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2	una previsione Tôi xem dự báo thời tiết mỗi ngày. Guardo le previsioni del tempo ogni giorno. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2

 dông	 sét	un fulmine Anh ấy đã nhìn thấy tia sét sáng rực vào tối hôm qua. Ha visto un fulmine luminoso ieri sera. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2	un temporale Một trận dông mang theo mưa lớn. Un temporale porta pioggia forte. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2
 sương mù	 tuyết	una neve Đây là tuyết trắng, mới rơi. Questa è neve fresca e bianca. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2	una nebbia Họ lái xe qua lớp sương mù dày đặc. Hanno guidato attraverso una nebbia fitta. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2
 đá	 mưa đá	una grandine Ngoài kia có nhiều mưa đá quá. C'è molta grandine fuori. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2	un ghiaccio Chúng tôi cho đá vào đồ uống của mình. Mettiamo il ghiaccio nelle nostre bevande. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2
 trơn	 nhiệt độ	una temperatura Họ kiểm tra nhiệt độ hàng ngày. Controllano la temperatura ogni giorno. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2	scivoloso Cô ấy bị ngã trên mặt băng trơn. È caduta sul ghiaccio scivoloso. Lezione 43 · Meteo e previsioni 2